

**UBND TỈNH NINH THUẬN
SỞ TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 3704/STC-QLNS
V/v báo cáo bổ sung thực hiện
kiến nghị của Kiểm toán nhà
nước năm 2017.

Ninh Thuận, ngày 31 tháng 12 năm 2019

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại văn bản số 5121/VPUB-KTTH ngày 30/12/2019 về báo cáo bổ sung việc thực hiện kiến nghị của kiểm toán nhà nước năm 2018 và văn bản số 5246/UBND-TCDNC ngày 30/12/2019 về việc tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác thanh tra trong thời gian tới;

Sở Tài chính dự thảo văn bản Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo bổ sung thực hiện kiến nghị kiểm toán nhà nước năm 2017.


Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ký gửi Ban Nội chính tỉnh ủy. /*h*

(Kèm theo dự thảo Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Ban nội chính tỉnh ủy)

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh;
- Lưu: VT, QLNS. LTD

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Trường

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /UBND-KTTH
V/v báo cáo thực hiện kiến
nghị của Kiểm toán nhà nước
năm 2017

Ninh Thuận, ngày tháng năm 2019

Kính gửi: Ban Nội chính tỉnh ủy.

Thực hiện Kế hoạch số 192-KH/TU ngày 10/9/2019 của Tỉnh ủy Ninh Thuận về tổ chức kiểm tra, rà soát các cuộc thanh tra kinh tế-xã hội năm 2018.

Tiếp nhận văn bản số 1133-CV/BNCTU ngày 23/12/2019 của Ban Nội chính tỉnh ủy đề nghị báo cáo bổ sung việc thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018.

Ủy ban nhân dân tỉnh kính báo cáo Ban Nội chính tỉnh ủy về bổ sung thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, cụ thể như sau:

I. Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2017:

- Số tiền thực hiện kiến nghị của kiểm toán: 100.443.888.468 đồng.
- Số tiền đơn vị đã thực hiện: 98.504.238.408 đồng.
- Số tiền đơn vị chưa thực hiện: 1.939.650.060 đồng.

(Chi tiết kèm theo phụ biểu đính kèm)

II. Nguyên nhân, khó khăn, vướng mắc đối với các đơn vị chưa thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước, cụ thể như sau:

- Công ty cổ phần địa chất khoáng sản Việt Nam: Công ty đang gặp khó khăn trong tiêu thụ sản phẩm nên chưa sắp xếp nguồn tài chính nộp số tiền thuế 434.008.973 đồng và chưa kê khai giảm trừ thuế GTGT đầu vào 130.518.218 đồng. Do đơn vị đang trong trạng thái đóng mã số thuế nên chưa thực hiện việc kê khai thuế GTGT. Cục Thuế đã thực hiện đình chỉ việc sử dụng hóa đơn của Công ty theo quy định.

- Công ty TNHH một thành viên Sông Trà: 11.392.500 đồng. Cục Thuế đã đơn đốc nhiều lần nhưng Công ty vẫn không chấp hành nộp số tiền thuế phải nộp. Cục Thuế đã phối hợp chính quyền địa phương xác minh cho thấy, Công ty không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký với cơ quan thuế, không liên lạc được với người đại diện pháp luật của Công ty. Cục Thuế đã ban hành thông báo số 3004/TB-CT ngày 31/8/2018 về việc Người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký với cơ quan thuế.

+ Công ty cổ phần Đầu tư Trung Việt: 50.418.535 đồng. Do Công ty đang gặp khó khăn về tài chính, dự án trong quá trình đầu tư chưa bán được sản phẩm khai thác.

- Kết quả thực hiện kiến nghị Kiểm toán giảm chi thường xuyên NSNN năm 2017: Số chưa thực hiện 174.765.000đ, Do Sở Khoa học công nghệ Chưa thu hồi kinh phí thực hiện các đề tài, dự án Khoa học khi nghiệm thu thanh quyết toán không có hóa đơn chứng từ thanh toán. Đơn vị tiếp tục thực hiện kiến nghị Kiểm toán trong năm 2019.

- Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông: 367.556.900 đồng (công trình đường Hiệp Kiệt – Bình Tiên; Dự án đường huyện lộ 6). Do hiện nay chủ đầu tư còn nợ phải trả cho đơn vị gói thầu khác nên nhà thầu chưa có kinh phí chi trả. Chủ đầu tư sẽ thu hồi tiền phải trả cho nhà thầu khi được bố trí vốn cho dự án.

-Ban QLDA ĐTXD thành phố Phan Rang- Tháp Chàm: 230.444.000 đồng (công trình đường Trần Phú đoạn từ ngã 5 Phủ Hà đến ngã tư Ngô Gia Tự). Nhà thầu tiếp tục thực hiện nộp trả.

-Ban QLDA ĐTXD thành phố Phan Rang- Tháp Chàm: 327.716.698 đồng (công trình Mở rộng, nâng cấp đường đến khu du lịch Ninh Chữ-Bình Sơn). Chủ đầu tư sẽ thực hiện dứt điểm trong năm 2020.

-Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Ninh Phước: 27.393.000 đồng (Dự án kiên cố hóa kênh tiêu t8 cũ xã Phước Hải- gói thầu số 6). Đơn vị sẽ giảm trừ trực tiếp trong quyết toán năm 2019.

-Ủy ban nhân dân huyện Thuận Nam (Vốn ứng trước đầu tư trung tâm cụm xã Nhị Hà), số tiền 185.436.236 đồng. Hướng xử lý, Sau khi có quyết định bổ sung vốn để thu hồi tạm ứng của Bộ Kế hoạch đầu tư, Sở Kế hoạch Đầu tư sẽ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí thu hồi tạm ứng (Văn bản số 358/SKHĐT-TH ngày 17/02/2017 của Sở Kế hoạch Đầu tư).

Ủy ban nhân dân tỉnh kính báo cáo Ban Nội chính tỉnh ủy./.

Nơi nhận: 

- Như trên;
- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Lưu: VT, QLNS. LTD

CHỦ TỊCH

Lưu Xuân Vinh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**BẢNG TỔNG HỢP KIẾN NGHỊ CỦA KIỂM TOÁN TẠI TỈNH NINH THUẬN NĂM 2018
NIÊN ĐỘ NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2017**

(Kèm theo văn bản số: /UBND-KTTH ngày tháng năm 20 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Số kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước	Số thực hiện của đơn vị	Số chưa thực hiện
	Tổng cộng	100.443.888.467	98.504.238.407	1.939.650.060
A	Các khoản tăng thu nộp ngân sách Nhà nước	6.827.564.418	6.201.226.192	626.338.226
I	Cục thuế tỉnh	5.580.845.904	5.004.926.213	575.919.691
1	Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	66.526.117	66.526.117	
2	Trung tâm Quan trắc và tài nguyên Môi trường tỉnh Ninh Thuận	12.603.787	12.603.787	
3	Công Ty Cổ Phần Du Lịch Sài Gòn Ninh Chữ	60.000.000	60.000.000	
4	Công ty TNHH Dược phẩm Phan Rang	22.610.000	22.610.000	
5	Công Ty CP Xây dựng Hacom Ninh Thuận	1.227.844.653	1.227.844.653	
6	Công ty CP Địa Chất - Khoáng Sản Việt Nam	564.527.191		564.527.191
7	Công ty CP Thành Đông Ninh Thuận	3.180.661.960	3.180.661.960	-
8	Công ty TNHH Huy An	50.828.204	50.828.204	-
9	Công ty TNHH MTV Khai Thác CT Thủy Lợi Ninh Thuận	22.294.010	22.294.010	-
10	Công ty TNHH TM&XD Sơn Long Thuận	36.510.910	36.510.910	-
11	Công ty TNHH TM-VT Giang Đình	43.262.748	43.262.748	-
12	Công ty TNHH TVTK xây dựng Phú Mỹ	40.887.351	40.887.351	-
13	Công ty TNHH xây dựng An Nguyên	44.271.961	44.271.961	-
14	Công ty TNHH Xây Dựng và Thương mại Gia Huy	10.407.341	10.407.341	-
15	Công ty TNHH xây dựng và thương mại Kiến Thành	81.545.560	81.545.560	-
16	DNTN Xây Dựng Ngọc Anh	78.701.361	78.701.361	-
17	Trường Chính trị tỉnh	5.351.300	5.351.300	-
18	Đài Phát thanh và Truyền hình Ninh Thuận	569.750	569.750	-
19	Cty CP Điện gió Trung Nam	4.500.000	4.500.000	-
20	Công ty Cổ Phần ĐT & XD Hoàng Nhân	12.449.200	12.449.200	-
21	Cty TNHH MTV Sông Trà	11.392.500		11.392.500
22	Công Ty TNHH Khoáng Sản Mai Nguyên	3.100.000	3.100.000	-
II	UBND huyện Ninh Hải	142.465.661	142.465.661	
1	CT TNHH Xây Dựng Hoàng Phú	28.733.528	28.733.528	
2	Công ty TNHH MTV Muối Ngọc Mai	30.568.000	30.568.000	
3	Công ty TNHH Phát Phát Ninh Thuận	44.073.533	44.073.533	

STT	Nội dung	Số kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước	Số thực hiện của đơn vị	Số chưa thực hiện
4	Công ty TNHH TM SX Tân Sơn Hoa Cường	39.090.600	39.090.600	
III	UBND huyện Ninh Phước	357.417.445	357.417.445	
1	Cty TNHH Thương Mại Và Xây Dựng Nhật Tảo	227.884.733	227.884.733	
2	Công ty TNHH Xây Dựng Thăng Long	129.532.712	129.532.712	
IV	UBND huyện Ninh Sơn	42.414.319	42.414.319	
1	Công ty TNHH XDTM và cơ khí Trường Kỳ	22.645.455	22.645.455	
2	DNTN TM&VT Cư Ngà	13.636.364	13.636.364	
3	UBND xã Lâm Sơn	450.000	450.000	
4	UBND xã Quảng Sơn	2.100.000	2.100.000	
5	UBND xã Hòa Sơn	560.000	560.000	
6	UBND xã Mỹ Sơn	700.000	700.000	
7	UBND xã Nhơn Sơn	2.322.500	2.322.500	
V	UBND huyện Thuận Bắc	435.995.238	385.576.703	50.418.535
1	Công ty CP Rau Câu Sơn Hải	194.875.350	194.875.350	
2	Công ty TNHH Xăng dầu 126 Ninh Thuận	151.657.347	151.657.347	
3	Cty TNHH Hoàng Thiên Ninh Thuận	19.661.406	19.661.406	
4	Công ty CP Đầu Tư Trung Việt	50.418.535		50.418.535
5	UBND xã Công Hải	3.600.000	3.600.000	
6	UBND xã Lợi Hải	15.782.600	15.782.600	
VI	UBND huyện Thuận Nam	138.378.085	138.378.085	
1	Cty TNHH TM và XD Trường Hải Ninh Thuận	39.753.909	39.753.909	
2	Công ty TNHH Thanh Thủy	60.224.176	60.224.176	
3	Công ty TNHH Thương Mại Thái Nhã	38.400.000	38.400.000	
VII	UBND TP Phan Rang-Tháp Chàm	130.047.766	130.047.766	
1	Cty TNHH Xây dựng và Thương mại Duy Anh	37.031.869	37.031.869	
2	Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Hưng Thịnh	44.380.331	44.380.331	
3	DNTN xây dựng và thương mại Minh Thịnh	19.500.000	19.500.000	
4	Cty TNHH Tư vấn thiết kế xây dựng Thuận Phát	29.135.566	29.135.566	
B	Thực hiện kiến nghị sai sót khác về thuế	16.771.931.231	16.771.931.231	
1	DN do Cục Thuế quản lý	1.249.423.086	1.249.423.086	
1	Giám lỗi			
	Cty TNHH Sơn Long Thuận	1.249.423.086	1.249.423.086	
2	ND do các Chi cục Thuế quản lý	15.522.508.145	15.522.508.145	
2.1	CCT Thuận Nam	278.879.119	278.879.119	
	Giám lỗi			
	Cty TNHH Thanh Thủy	278.879.119	278.879.119	
2.2	CCT Ninh Hải	9.856.547.180	9.856.547.180	
	Giám lỗi			
	Cty TNHH Tân Sơn Hoa Cường	9.856.547.180	9.856.547.180	
2.3	CCT Thuận Bắc	5.385.375.196	5.385.375.196	
	Giám lỗi			
	Cty CP rau câu Sơn Hải	5.145.488.409	5.145.488.409	
	Cty TNHH Xăng dầu 126 Ninh Thuận	43.272.727	43.272.727	

STT	Nội dung	Số kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước	Số thực hiện của đơn vị	Số chưa thực hiện
	DNTN Hoàng Thuyền Ninh Thuận	196.614.060	196.614.060	
2.4	CCT Ninh Sơn	1.706.650	1.706.650	
	Giám thuế TNDN			
	Cty Thảo Tuấn	1.706.650	1.706.650	
C	Thu hồi kinh phí thừa	13.527.398.579	13.527.398.579	
I	Chi thường xuyên	8.713.037.479	8.713.037.479	
1	Sở Giáo dục và Đào tạo	100.468.000	100.468.000	
2	Sở Tài chính	3.671.199.150	3.671.199.150	
3	UBND TP Phan Rang-Tháp Chàm	448.920.887	448.920.887	
3.1	Phòng Tài chính - Kế hoạch	438.558.197	438.558.197	
3.2	Phường Phước Mỹ	10.362.690	10.362.690	
4	UBND huyện Ninh Hải	582.291.899	582.291.899	
4.1	Phòng Tài chính - Kế hoạch	403.421.897	403.421.897	
4.2	Xã Phương Hải	30.400.000	30.400.000	
4.3	Xã Xuân Hải	8.300.382	8.300.382	
4.4	Xã Tân Hải	8.323.159	8.323.159	
4.5	Xã Thanh Hải	55.381.337	55.381.337	
4.6	Xã Nhơn Hải	57.758.701	57.758.701	
4.7	Xã Hộ Hải	18.706.423	18.706.423	
5	UBND huyện Ninh Phước	901.296.458	901.296.458	
5.1	Phòng Tài chính - Kế hoạch	669.654.458	669.654.458	
5.2	Xã Phước Hải	203.553.000	203.553.000	
5.3	Xã Phước Vinh	28.089.000	28.089.000	
6	UBND huyện Ninh Sơn	1.188.422.467	1.188.422.467	
6.1	Phòng Tài chính - Kế hoạch	789.542.467	789.542.467	
6.2	Xã Lâm Sơn	398.880.000	398.880.000	
7	UBND huyện Thuận Bắc:	130.736.115	130.736.115	
7.1	Phòng Tài chính - Kế hoạch	130.736.115	130.736.115	
8	UBND huyện Thuận Nam	1.689.702.503	1.689.702.503	
8.1	Phòng Tài chính - Kế hoạch	773.126.817	773.126.817	
8.2	Xã Phước Hà	276.575.686	276.575.686	
8.3	Xã Phước Dinh	640.000.000	640.000.000	
II	Chi Đầu tư	4.814.361.100	4.814.361.100	
1	Huyện Thuận Bắc	573.818.848	573.818.848	
1.1	Phòng Tài chính - Kế hoạch	535.244.122	535.244.122	
1.2	UBND xã Phước Kháng	17.350.631	17.350.631	
1.3	UBND xã Công Hải	636.045	636.045	
1.4	UBND xã Phước Chiến	14.007.589	14.007.589	
1.5	UBND xã Lợi Hải	6.580.461	6.580.461	
2	Sở Tài Chính tỉnh Ninh Thuận	4.240.542.252	4.240.542.252	
D	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	1.496.260.355	898.259.455	598.000.900
I	Chi Đầu tư	1.496.260.355	898.259.455	598.000.900

STT	Nội dung	Số kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước	Số thực hiện của đơn vị	Số chưa thực hiện
1	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Ninh Thuận	367.556.900		367.556.900
1.1	Dự án đường Hiệp Kiết - Bình Tiên		-	-
a	Gói thầu chi phí hạng mục thi công khối lượng còn lại	54.227.000		54.227.000
b	Gói thầu hạng mục cống Suối Tiên	1.464.000		1.464.000
c	Gói thầu số 15	4.884.600		4.884.600
1.2	Dự án đường Huyện lộ 6			-
a	Gói thầu số 15	220.379.300		220.379.300
b	Gói thầu số 17	51.892.000		51.892.000
c	Gói thầu số 18	34.710.000		34.710.000
2	BQL dự án đầu tư xây dựng thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	890.433.455	659.989.455	230.444.000
2.1	Mở rộng nâng cấp đường đến khu du lịch Ninh Chữ - Bình Sơn		-	
a	Gói thầu xây lắp số 03	395.525.000	395.525.000	-
b	Gói thầu xây lắp số 13	6.266.455	6.266.455	-
2.2	Dự án đường Trần Phú			
a	Gói thầu xây lắp số 14	488.642.000	258.198.000	230.444.000
3	Huyện Ninh Sơn	65.873.000	65.873.000	
3.1	Dự án: Đường thạch hà - Huyện đội, huyện Ninh Sơn	65.873.000	65.873.000	
4	Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	172.397.000	172.397.000	
4.1	Công trình Trường THCS Đông Hải		-	
a	Gói thầu số 10	44.647.000	44.647.000	
b	Gói thầu số 11	48.294.000	48.294.000	
c	Gói thầu số 12	79.456.000	79.456.000	
E	Giảm dự toán giảm thanh toán năm sau	6.250.647.645	5.895.537.947	355.109.698
I	Đầu tư	6.250.647.645	5.895.537.947	355.109.698
1	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Ninh Thuận	2.608.276.100	2.608.276.100	
1.1	Dự án đường Hiệp Kiết - Bình Tiên			
a	Gói thầu chi phí hạng mục thi công khối lượng còn lại	7.195.000	7.195.000	
b	Gói thầu hạng mục cống Suối Tiên	68.567.000	68.567.000	
c	Gói thầu số 15	801.976.400	801.976.400	
d	Gói thầu số 14	793.787.000	793.787.000	
e	Gói thầu Thi công khối lượng còn lại hạng mục đường đầu cầu và cầu Suối Võ Tá	49.638.000	49.638.000	
1.2	Dự án đường Huyện lộ 6		-	
a	Gói thầu số 15	104.350.700	104.350.700	
1.3	Dự án đường Ba Tháp - Suối Le - Phước Kháng		-	

STT	Nội dung	Số kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước	Số thực hiện của đơn vị	Số chưa thực hiện
a	Gói thầu số 12	400.272.000	400.272.000	
b	Gói thầu số 13	382.490.000	382.490.000	
2	BQL dự án đầu tư xây dựng thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	2.074.769.545	1.747.052.847	327.716.698
2.1	Mở rộng nâng cấp đường đến khu du lịch Ninh Chữ - Bình Sơn		-	
a	Gói thầu xây lắp số 13	1.324.260.545	996.543.847	327.716.698
b	Gói thầu xây lắp số 11	750.509.000	750.509.000	
3	Huyện Ninh Hải: Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Ninh Hải	15.235.000	15.235.000	
4	Huyện Ninh Phước: Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Ninh Phước	58.053.000	30.660.000	27.393.000
4.1	Dự án bê tông hóa đường giao thông từ tâm - hòa thủy, xã phước hải	30.660.000	30.660.000	
4.2	Dự án kiên cố hóa kênh tiêu t8 cũ xã phước hải - Gói thầu số 06	27.393.000		27.393.000
5	Huyện Ninh Sơn	48.802.000	48.802.000	
	Trường mẫu giáo xã Lâm Sơn - Gói thầu số 05: thi công xây lắp	48.802.000	48.802.000	
6	Huyện Thuận Bắc	155.651.000	155.651.000	
	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Thuận Bắc	155.651.000	155.651.000	
7	Huyện Thuận Nam: Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Thuận Nam	1.233.284.000	1.233.284.000	
8	Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	56.577.000	56.577.000	
	Công trình Trụ sở UBND xã Thành Hải	56.577.000	56.577.000	
F	Chuyển quyết toán năm sau	6.829.570	6.829.570	
	Chi Thường xuyên			
1	UBND TP Phan Rang-Tháp Chàm	6.829.570	6.829.570	
	Phòng Quản lý đô thị	6.829.570	6.829.570	
G	Các khoản phải nộp ngân sách nhà nước	1.186.258.297	1.011.493.297	174.765.000
	Sở Khoa học và Công nghệ	1.186.258.297	1.011.493.297	174.765.000
H	Thực hiện kiến nghị sai sót khác	54.376.998.372	54.191.562.136	185.436.236
1	Sở Tài chính	2.525.425.844	2.525.425.844	
	Hoàn trả cho chi cục thủy sản	2.050.950.617	2.050.950.617	
	Chi bổ sung tiền điện cho các đối tượng được hưởng theo chính sách	474.475.227	474.475.227	
2	Sở Y tế (giảm nguồn CCTL chuyển sang năm sau)	2.033.422.161	2.033.422.161	
3	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Ninh Thuận	257.173.277	257.173.277	

STT	Nội dung	Số kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước	Số thực hiện của đơn vị	Số chưa thực hiện
1	Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (Tăng nguồn CCTL chuyển sang năm sau)	206.026.177	206.026.177	
2	Chi cục chăn nuôi thú y (tăng nguồn CCTL chuyển sang năm sau)	51.147.100	51.147.100	
4	Sở Giáo dục và Đào tạo - Nguồn CCTL tăng thêm	231.763.160	231.763.160	
4.1	Trung tâm kỹ thuật Hướng nghiệp Phan Rang (Nguồn CCTL tăng thêm)	14.658.724	14.658.724	
4.2	Trường THPT Tháp Chàm (Nguồn CCTL tăng thêm)	28.451.296	28.451.296	
4.3	Nguồn CCTL tăng thêm	188.653.140	188.653.140	
5	Sở Tài nguyên Môi trường	88.860.488	88.860.488	
5.1	Trung tâm Quan trắc và Môi trường - Nguồn CCTL tăng thêm	20.166.059	20.166.059	
5.2	Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Ninh Thuận - Nguồn CCTL tăng thêm	68.694.429	68.694.429	
6	Các Ban quản lý dự án	14.244.479.000	14.244.479.000	
6.1	Ban QLDA ĐTXD các CTGT tỉnh Ninh Thuận	11.543.911.000	11.543.911.000	
6.2	Ban QLDA đầu tư xây dựng thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	2.700.568.000	2.700.568.000	
7	Sở Kế hoạch và Đầu tư	8.593.250.000	8.593.250.000	
8	Ngân sách thành phố Phan Rang	8.016.767.501	8.016.767.501	
8.1	Phòng Tài chính - Kế hoạch	7.865.373.854	7.865.373.854	
	Theo dõi sử dụng đúng mục đích nguồn tăng thu (không kể tăng thu sử dụng đất) ngân sách cấp thành phố năm 2017	1.763.000.000	1.763.000.000	
	Theo dõi sử dụng đúng mục đích nguồn tăng thu sử dụng đất ngân sách cấp thành phố 2017	1.823.318.596	1.823.318.596	
	Theo dõi sử dụng đúng mục đích nguồn hỗ trợ có mục tiêu còn nhiệm vụ chi	3.239.803.313	3.239.803.313	
	Theo dõi sử dụng đúng mục đích nguồn CCTL kiểm toán nhà nước xác định tăng thêm	1.039.251.945	1.039.251.945	
8.2	Phường Phước Mỹ	151.393.647	151.393.647	
	Theo dõi sử dụng đúng mục đích - Tiền đường bê tông hẻm Hàm Nghi	6.846.197	6.846.197	
	Theo dõi sử dụng đúng mục đích - Tiền đường bê tông hẻm 228 khu phố	11.400.000	11.400.000	
	Theo dõi sử dụng đúng mục đích - Tiền đường bê tông khu phố 7	5.100.000	5.100.000	
	Theo dõi sử dụng đúng mục đích - Tiền đường bê tông hẻm Huỳnh Thúc	3.300.000	3.300.000	
	Theo dõi sử dụng đúng mục đích - Tiền đường bê tông hẻm 128 khu phố	14.000.000	14.000.000	
	Theo dõi sử dụng đúng mục đích - Nguồn tăng thu ngân sách 2017	110.747.450	110.747.450	
9	Huyện Ninh Sơn	6.110.525.753	6.110.525.753	

STT	Nội dung	Số kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước	Số thực hiện của đơn vị	Số chưa thực hiện
9.1	Phòng Tài chính - Kế hoạch	5.974.095.701	5.974.095.701	
	Bố trí nguồn hoàn trả	273.500.000	273.500.000	
	Chi bổ sung kinh phí tiền điện hộ nghèo	146.579.760	146.579.760	
	Theo dõi và sử dụng đúng mục đích nguồn tăng thu, thu sử dụng đất	3.251.856.732	3.251.856.732	
	Theo dõi và sử dụng đúng mục đích các khoản còn nhiệm vụ chi	2.302.159.209	2.302.159.209	
9.2	Xã Lâm Sơn	99.750.052	99.750.052	
	Chi chuyển nguồn kinh phí còn nhiệm vụ chi	58.900.000	58.900.000	
	Theo dõi đúng mục đích 50% tăng thu	40.850.052	40.850.052	
9.3	Phòng Giáo dục và Đào tạo	36.680.000	36.680.000	
	Chi khen thưởng bổ sung	36.680.000	36.680.000	
10	Huyện Thuận Bắc	7.040.567.947	7.040.567.947	
	Tăng chuyển nguồn, giảm kết dư ngân sách	7.040.567.947	7.040.567.947	
11	Huyện Ninh Hải	1.512.047.069	1.512.047.069	
11.1	Thu hồi nộp trả ngân sách tỉnh khoản thu điều tiết	30.400.000	30.400.000	
11.2	Theo dõi nguồn CCTL năm 2017 xác định tăng thêm	1.481.647.069	1.481.647.069	
12	Huyện Ninh Phước	1.900.000.000	1.900.000.000	
	Theo dõi nguồn cải cách tiền lương chuyển sang năm 2018 tăng thêm	1.900.000.000	1.900.000.000	
13	Huyện Thuận Nam	1.822.716.172	1.637.279.936	185.436.236
13.1	Theo dõi nguồn CCTL chuyển sang năm 2018 tăng thêm	1.637.279.936	1.637.279.936	
13.2	Tạm ứng từ ngân sách tỉnh cho dự án Trung tâm cụm xã Nhị Hà, huyện Thuận Nam đã hết nhiệm vụ chi	185.436.236		185.436.236